

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 06 TC/CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 1982

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kế toán các khoản tiền vay, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ và quyền sử dụng ngoại tệ của các xí nghiệp quốc doanh

Thi hành nghị định số 40-CP ngày 7/2/1980 của Hội đồng Chính phủ về "Chính sách và biện pháp nhằm phát triển sản xuất hàng xuất khẩu", liên Bộ Ngoại thương - Ngân hàng Nhà nước đã ra thông tư số 04-TTLB/NT-NHNN ngày 1/8/1981 "Hướng dẫn việc thành lập và sử dụng quỹ ngoại tệ xuất khẩu và quyền sử dụng ngoại tệ". Bộ Tài chính hướng dẫn dưới đây một số điểm về kế toán liên quan đến các qui định nói trên như sau:

1- Kế toán các khoản tiền vay ngoại tệ:

Theo qui định tại Nghị định số 40-CP ngày 7/2/1980 của Hội đồng Chính phủ và theo sự vận dụng thi hành qua liên Bộ Ngoại thương - Ngân hàng Nhà nước thì các đơn vị sản xuất kinh doanh và các tổ chức ngoại thương (dưới đây gọi tắt là các xí nghiệp) được vay ngoại tệ tự bản tự do chuyển đổi của quỹ ngoại tệ xuất khẩu để chi trả vào các đối tượng sau:

- Thiết bị, vật tư, nguyên liệu, hàng hoá để phục vụ sản xuất hay gia công hàng xuất khẩu.
- Vật tư, thiết bị, hay chi phí để tổ chức các dịch vụ cho người nước ngoài nhằm tăng thu ngoại tệ.
- Các đối tượng khác được Ngân hàng Nhà nước và Bộ Ngoại thương đồng ý.

Các xí nghiệp phải tổ chức ghi chép kế toán để phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ số ngoại tệ đã vay, tình hình thanh toán và sử dụng số ngoại tệ đã vay theo từng hình thức vay, từng hợp đồng tín dụng và từng loại ngoại tệ, nhằm quản lý chặt chẽ và phát huy hiệu quả của các khoản vốn vay ngoại tệ.

Trên các sổ sách kế toán tổng hợp các khoản tiền vay ngoại tệ được phản ánh thống nhất bằng tiền Việt Nam tính theo tỷ giá kết toán nội bộ hiện hành còn trên các sổ sách kế toán chi tiết các khoản tiền vay ngoại tệ được phản ánh theo ngoại tệ và tính đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá kết toán nội bộ hiện hành.

Để kế toán các khoản tiền vay ngoại tệ, các xí nghiệp vay ngoại tệ được mở các tiểu khoản sau đây của các tài khoản tiền vay Ngân hàng trong hệ thống tài khoản kế toán thống nhất:

- Tài khoản 93 "Vay ngắn hạn Ngân hàng" được chia thành hai tiểu khoản:

Tiểu khoản 93.1 "Vay ngắn hạn ngân hàng"

Tiểu khoản 93.2 "Vay ngắn hạn ngân hàng bằng ngoại tệ"

- Tài khoản 94 "Vay dài hạn ngân hàng" được chia thành hai tiểu khoản:

Tiểu khoản 94.1 "Vay dài hạn ngân hàng"

Tiểu khoản 94.2 "Vay dài hạn ngân hàng bằng ngoại tệ"

Tiểu khoản 93.1 và tiểu khoản 94.1 dùng để hạch toán các nghiệp vụ vay ngắn hạn và vay dài hạn ngân hàng bằng tiền Việt Nam, còn các tiểu khoản 93.2 và 94.2 dùng để hạch toán các nghiệp vụ vay ngắn hạn và vay dài hạn ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

Đối với những ngành trước đây theo sự thỏa thuận của Bộ Tài chính đã mở các tiểu khoản của các tài khoản tiền vay Ngân hàng thì nay được mở thêm các tiểu khoản thích hợp ngoài các tiểu khoản đã có để hạch toán các khoản tiền vay bằng ngoại tệ theo hướng dẫn tại thông tư này.

Nội dung, kết cấu và quan hệ đối ứng của tiểu khoản 93.2 "Vay ngắn hạn ngân hàng bằng ngoại tệ" và tiểu khoản 94.2 "Vay dài hạn ngân hàng bằng ngoại tệ", về căn bản, giống như nội dung, kết cấu và quan hệ đối ứng của tài khoản 93 "vay ngắn hạn ngân hàng" và tài khoản 94 "Vay dài hạn ngân hàng" qui định trong hệ thống tài khoản thống nhất. Dưới đây là một số trường hợp chủ yếu:

- Trường hợp vay ngoại tệ ngắn hạn để thanh toán với người bán về các khoản tiền mua vật tư, nguyên liệu, hàng hoá:

Khi nhận được giấy báo cho vay ngoại tệ của ngân hàng ngoại thương để thanh toán với người bán, kế toán ghi:

Nợ TK 60 "Thanh toán với người bán và người nhận thầu"

Có TK 93 "vay ngắn hạn ngân hàng" (TK 9.2 "Vay ngắn hạn ngân hàng bằng ngoại tệ).

- Trường hợp vay ngoại tệ dài hạn để nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng theo kế hoạch đầu tư đã được các cơ quan có thẩm quyền xét duyệt:

Khi nhận được giấy báo cho vay ngoại tệ của ngân hàng ngoại thương để thanh toán với người bán, kế toán ghi:

Nợ TK 60 "Thanh toán với người bán và người nhận thầu"

Có TK 94.1 "Vay dài hạn ngân hàng" (TK 94.2 "Vay dài hạn ngân hàng bằng ngoại tệ).

Theo qui định tại nghị định số 40-CP ngày 7/2/1980 của Hội đồng Chính phủ và thông tư số 04 ngày 1/8/1980 của liên Bộ Ngoại thương - Ngân hàng Nhà nước, các xí nghiệp vay ngoại tệ tự bản tự do chuyển đổi của "quỹ ngoại tệ xuất khẩu" có thể sử dụng số ngoại tệ thu được do xuất khẩu sản phẩm, hoặc số ngoại tệ được thưởng bằng "quyền sử dụng ngoại tệ" để trả nợ tiền vay ngoại tệ.

Hàng tháng hoặc đến kỳ hạn trả nợ, sau khi xác định số ngoại tệ phải trả và khả năng thanh toán tiền vay, các xí nghiệp phải lập và nộp cho Ngân hàng ngoại thương uỷ nhiệm chi để trích tiền gửi ngoại tệ mà trả nợ tiền vay.:

- Nếu xí nghiệp dùng ngoại tệ chờ phân tích kết hối để trả nợ tiền vay thì ghi:

Nợ TK 93 "Vay ngắn hạn ngân hàng" (TK 93.2 "Vay ngắn hạn ngân hàng bằng ngoại tệ), hoặc Nợ TK 94 "Vay dài hạn ngân hàng" (TK 94.2 "Vay dài hạn ngân hàng bằng ngoại tệ").

Có TK 51 "Tiền gửi ngân hàng" (TK 51.2 "Ngoại tệ gửi Ngân hàng chờ phân tích kết hối).

- Nếu xí nghiệp dùng tiền gửi ngoại tệ để trả nợ tiền vay thì ghi:

- Nợ TK 93 "Vay ngắn hạn ngân hàng" (TK 93.2 "Vay ngắn hạn ngân hàng bằng ngoại tệ"), hoặc

Nợ TK 94 "Vay dài hạn ngân hàng" (TK 94.2 "Vay dài hạn ngân hàng bằng ngoại tệ").

Có TK 51 "Tiền gửi ngân hàng" (TK 51.3 "Ngoại tệ gửi ngân hàng")

- Nếu xí nghiệp dùng ngoại tệ được thưởng bằng quyền sử dụng ngoại tệ để trả nợ vay ngân hàng thì xí nghiệp phải xuất tiền Việt Nam từ các tài khoản tiền gửi hoặc vay Ngân hàng để mua ngoại tệ, kế toán ghi:

Nợ TK 93 "Vay ngắn hạn ngân hàng" (TK 93.2 "Vay ngắn hạn ngân hàng bằng ngoại tệ", hoặc

Nợ TK 94 "Vay dài hạn ngân hàng" (TK 94.2 "Vay dài hạn ngân hàng bằng ngoại tệ").

Có TK 51 "Tiền gửi ngân hàng" (TK 51.1 "Tiền gửi ngân hàng").

hoặc

Có các TK khác liên quan (TK 55, TK 93...), đồng thời ghi Có tài khoản 011 "Quyền sử dụng ngoại tệ" ngoài bảng tổng kết tài sản bằng bút toán đơn.

Để theo dõi và quản lý chặt chẽ số tiền vay, tình hình thanh toán và sử dụng số tiền vay ngoại tệ, đi đôi với việc ghi chép kế toán tổng hợp, các xí nghiệp phải mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi phản ánh số ngoại tệ đã vay, số ngoại tệ đã trả và số dư tiền vay ngoại tệ theo từng hình thức vay, từng loại ngoại tệ, từng lần vay và từng lần trả.

2- Kế toán các khoản tiền gửi ngoại tệ:

Theo qui định của Ngân hàng Nhà nước, tất cả các tổ chức trong nước, các đơn vị được phép trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài hoặc xuất khẩu tại chỗ, các đơn vị kinh doanh dịch vụ khác, các đơn vị sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu trong và ngoài kế hoạch, có vay hoặc không vay ngoại tệ của ngân hàng, và các đơn vị được thưởng "quyền sử dụng ngoại tệ" đều được ướ tài khoản tiền gửi ngoại tệ tại các cơ sở ngân hàng ngoại thương.

Để kế toán các khoản tiền gửi ngoại tệ, các xí nghiệp có ngoại tệ gửi ngân hàng được mở các tiểu khoản sau đây của tài khoản tiền gửi ngân hàng trong hệ thống tài khoản kế toán thống nhất:

- Tiểu khoản 51.2 "Ngoại tệ gửi ngân hàng chờ phân tích kết hồi"

- Tiểu khoản 51.3 "Ngoại tệ gửi Ngân hàng".

Kế toán các khoản tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam được thực hiện trên tiểu khoản 51.1 "Tiền gửi ngân hàng" theo quy định trong hệ thống tài khoản thống nhất. Đối với những ngành trước đây theo sự thỏa thuận của Bộ tài chính đã mở các tiểu khoản hạch toán tiền Việt Nam của tài khoản tiền gửi ngân hàng, thì nay được mở thêm các tiểu khoản ngoại tệ gửi ngân hàng theo hướng dẫn chung trong thông tư này.

a) Kế toán tiền gửi ngoại tệ chờ phân tích kết hối:

Các khoản tiền gửi ngoại tệ chờ phân tích kết hối được hạch toán vào tài khoản 51 "Tiền gửi ngân hàng" tiểu khoản 51.2 "Ngoại tệ gửi Ngân hàng chờ phân tích kết hối". Tiểu khoản này dùng để hạch toán các khoản doanh thu ngoại tệ trong thời gian chờ phân tích kết hối để thanh toán hoặc trả nợ vay. (Các khoản ngoại tệ của xí nghiệp không thuộc diện phải kết hối vì thuộc hoạt động kinh doanh vay vốn ngoại tệ ngân hàng hoặc thuộc quyền sử dụng của xí nghiệp do được thưởng bằng ngoại tệ, thì được hạch toán trực tiếp vào tiểu khoản 51.3 hướng dẫn ở phần sau).

Bên Nợ tiểu khoản này phản ánh các khoản thu ngoại tệ (tiền mặt, séc, chuyển khoản) bên Có phản ánh các khoản ngoại tệ đã phân tích kết hối; số dư phản ánh số ngoại tệ còn chờ phân tích kết hối.

Khi thu được ngoại tệ bán hàng xuất khẩu (hay thực hiện dịch vụ) gửi ngân hàng, kế toán căn cứ vào giấy báo của ngân hàng gửi sổ:

Nợ TK 51 "Tiền gửi ngân hàng" (TK 51.2 "Ngoại tệ gửi Ngân hàng chờ phân tích kết hối")

Có TK 46 "Tiêu thụ", hoặc

Có TK 49 "Thu nhập về vận tải, bưu điện và kinh doanh phục vụ"...

Khi nhận được giấy báo của ngân hàng về kết quả phân tích thanh toán kết hối số ngoại tệ nói trên vào các tài khoản liên quan, kế toán ghi sổ như sau:

- Số ngoại tệ xí nghiệp gửi vào để kết hối thì số đối giá tiền Việt Nam tính theo tỷ giá kết toán nội bộ sẽ được chuyển vào các tài khoản tiền gửi hoặc vào tài khoản vay ngân hàng thích hợp bằng tiền Việt Nam:

Nợ TK 51 "Tiền gửi ngân hàng" (TK 51.1) hoặc